TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:126/2019/DS– ST
Ngày: 28/11/2019
V/v"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*:* Bà Đỗ Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân*:* Ông Huỳnh Khắc Hiếu và ông Hà Trọng Khá

Thư ký phiên toà*:* Bà Phan Thị Lệ Siêng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Khánh– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2013/TLST – DS ngày 25/4/2013 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S – sinh năm 1964; Địa chỉ: đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hoặc đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Võ Thị G – sinh năm 1969; Địa chỉ: khu phố V, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

LVT – sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2013, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: ngày 14/9/2011 bị đơn Võ Thị G đã mua của nguyên đơn 01 chiếc xe gắn máy hiệu City, số máy 00227407, màu đen còn nợ lại số tiền 4.500.000 đồng, cam kết trả góp trong thời hạn 05 tháng theo Hợp đồng trả góp xe gắn máy ngày 14/9/2011. Từ ngày mua xe cho đến nay, bị đơn chưa trả khoản tiền nào nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phải trả toàn bộ số tiền trên và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày mua xe đến khi trả xong nợ.

Bị đơn vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông LVT trình bày: Ông là nhân viên của Doanh nghiệp Thanh S chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, ông được bà Hồ Thị Thanh S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô ở Doanh nghiệp tư nhân Thanh S bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà Hồ Thị Thanh S giữ). Bản thân ông là chủ sở hữu đối với 02 xe gắn máy loại cup 50 (Giấy đăng ký xe biển số 78AF-020.96 và 78AF-02039).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 305 BLDS 2005: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng các quy định tại Điều 147 BLTTDS, Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua xe máy trả góp, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S có đơn yêu

cầu Tòa xét xử vắng mặt; bị đơn Võ Thị G và người có nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2013, nguyên đơn Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn theo Hợp đồng trả góp xe gắn máy ngày 14/9/2011 giữa các bên đối với chiếc xe gắn máy hiệu City, số máy 00227407, màu đen phải trả số tiền 4.500.000 đồng gốc và tiền lãi tính theo quy định pháp luật. Kèm theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2013 là bản gốc Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 14/9/2011 có nội dung bị đơn G mua xe số máy 00227407, tổng số tiền còn nợ lại là 4.500.000 đồng, thời gian 05 tháng. Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 08/10/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hòa cung cấp thông tin về chiếc xe bị đơn đã mua của nguyên đơn có biển số 78G1 – nnn, kèm tài liệu xác định xe 78G1 – nnn do ông LVT đứng tên chủ sở hữu.

[2.1] Theo các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, ông LVT thừa nhận ông là nhân viên của nguyên đơn và được nguyên đơn ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe bán cho khách hàng. Căn cứ Điều 2 Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 14/9/2011, các bên có thỏa thuận "khi mua xe thì bên mua phải ủy quyền cho nhân viên của bà S đứng tên chủ sở hữu xe, kể từ ngày ký hợp đồng chiếc xe là tài sản sở hữu của bà S, khi nào trả hết nợ cho bà S thì nhân viên ký giấy bán có xác nhận của chính quyền địa phương, bà S hết trách nhiệm về mặt giấy tờ đối với bên mua"; Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy đủ căn cứ xác định bị đơn Võ Thị G có mua của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S 01 chiếc xe máy có biển số 78G1 – nnn (đứng tên LVT) còn nợ lại số tiền 4.500.000 đồng nên cần buộc bị đơn Võ Thị G phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S nợ gốc 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

[3] Đối với yêu cầu tính lãi, nguyên đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật: Nhận thấy, theo Điều 3 của Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 14/9/2011, các bên thỏa thuận lãi chậm trả bằng 2%/tháng. Như vậy, áp dụng các quy định tại các Điều 438, khoản 2 Điều 476 BLDS 2005 thì Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tính lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 là 150% của mức lãi suất cơ bản (tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm). Ngoài ra, tại Điều 6 của Hợp đồng các bên thỏa thuận thời gian góp 05 tháng từ ngày 14/9/2011, do đó Hội đồng xét xử xác định lãi chậm trả tính từ ngày 14/9/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2019 là 08 năm 02 tháng 14 ngày x 4.500.000 đồng x 1,125%/tháng = 4.984.875 đồng (Bốn triệu chín trăm tám mươi

bốn ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Tổng cộng gốc và lãi bị đơn Võ Thị G phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S là 9.484.875 đồng.

[4]. Tại Điều 2 Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 21/11/2012 có nội dung "Bà Thanh S không thu tiền trước bạ và biển số giá thành phố, khi nào bên mua xe thanh toán hết nợ cho bà Thanh S thì người đứng tên xe ký giấy bán có xác nhận của chính quyền địa phương", như vậy bà Thanh S hết trách nhiệm về mặt giấy tờ đối với bên mua. Tiền sang tên trước bạ lần 2 do bên mua chịu tiền thuế trước bạ và tự đến phòng trước bạ của Chi cục thế để nộp". Như vậy, thỏa thuận này phù hợp với các quy định tại Điều 461 và khoản 2 Điều 439 BLDS 2005, do đó khi bị đơn Võ Thị G trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu đối với xe mô tô biển số 78G1 – 099.30 thì bị đơn Hồ Thị Thanh S, ông LVT phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho bị đơn, tiền thuế trước bạ lần 02 do bị đơn Võ Thị G nộp.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 476 và 305 của Bộ luật Dân sự 2005.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn Võ Thị G phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S tiền nợ mua xe máy là 9.484.875 đồng (Trong đó tiền gốc 4.500.000 đồng, tiền lãi 4.984.875 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/11/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Sau khi bị đơn Võ Thị G trả hết nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78G1 – nnn thì nguyên đơn Hồ Thị Thanh S, ông LVT phải có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bị đơn Võ Thị G; lệ phí chuyển quyền sở hữu (Sang tên và tiền thuế trước bạ lần 02 do bị đơn Võ Thị G chịu).

Về án phí: Bị đơn Võ Thị G phải chịu 474.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S không phải chịu án phí dân sự nên được hoàn lại số

tiền tạm ứng án phí 137.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 10604 ngày 23/4/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố Tuy Hòa
-TAND tỉnh Phú Yên
-Các đương sự
-Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thúy Hằng